

Bản án số: 714/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 18 - 12 - 2024  
V/v: “ Tranh chấp về ly hôn,  
nuôi con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Hoàng Nam
- Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa:** Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 223/2024/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 455/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Thị B, sinh năm: 1988 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

**Bị đơn:** Anh Danh C, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai, nguyên đơn chị Thị B trình bày: Chị và anh Danh C tự tìm hiểu quen biết nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn. Kể từ ngày chung sống vợ chồng giữa chị và anh C không hạnh phúc, bất đồng quan điểm thường xuyên xảy ra cự cãi. Anh C chỉ ăn chơi không lo làm ăn, mỗi lần cự cãi thì anh C dùng bạo lực đánh đập chị, cha mẹ hai bên đều biết và khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh C không thay đổi tánh tình. Mặc dù bị đối xử bạo lực nhưng chị không trình báo với chính quyền vì nghĩ tình nghĩa vợ chồng, chị tha thứ bỏ qua nhưng giữa chị và anh C tình cảm đã rạn nứt và đã sống ly thân nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng thêm trầm trọng, dù có cố gắng sống với nhau cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn anh C. Quá trình chung sống, chị và anh C có hai con chung tên Danh Thị Ngọc T, sinh ngày 28/10/2009 và Danh Thị Ngọc A, sinh ngày 13/3/2019. Hiện nay, con đang sống với chị, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Về tài sản chung, chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa bị đơn anh Danh C trình bày: Anh xác định trình bày của chị B về hôn nhân, con chung là đúng. Anh C thừa nhận giữa vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ hàng ngày cự cãi lời qua tiếng lại. Vợ chồng cùng đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến trước tết nguyên đán năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, chị B bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Từ đó cho đến nay anh không liên lạc được với chị B và cũng không gặp mặt được do anh bận đi làm xa ít khi về nhà, anh có điện thoại để hỏi thăm vợ con thì gia đình chị B không cho gặp, thời gian sau này thì không còn liên lạc được nữa.

Nay chị B yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì còn thương vợ, anh muốn được hàn gắn để cùng nhau chăm lo cho các con.

Về nợ chung anh C xác định không có. Tuy nhiên về tài sản chung anh C cho rằng anh và chị B có mua một thửa đất thổ cư ngang 7m x dài 36m giá 03 chỉ vàng của ông Danh K và bà Thị E, khi mua chỉ làm giấy tay hiện nay vẫn chưa tách quyền sử dụng đất, nhưng anh C xác định anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết gì về tài sản chung.

Về con chung, anh C yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Danh Thị Ngọc A, sinh ngày 13/3/2019, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

*Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa chị B và anh C là hợp pháp do có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn. Chị B cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì chị thường xuyên bị bạo lực và tình cảm đã không còn; trái lại, anh C không đồng ý ly hôn, anh C thừa nhận giữa vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ hàng ngày cự cãi lời qua tiếng lại không đến mức phải ly hôn. Qua ý kiến của chị B và anh C, thấy rằng hiện anh chị đã ly thân nhau nên không có sự quan tâm chăm sóc vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị B yêu cầu ly hôn anh C là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị B được ly hôn anh C.

Về con chung, chị B và anh C cùng xác định có hai con chung tên Danh Thị Ngọc T, sinh ngày 28/10/2009 và Danh Thị Ngọc A, sinh ngày 13/3/2019. Hiện nay T và cháu A đang sống với chị B. Chị B yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Trái lại anh C có ý kiến nếu chị B muốn ly hôn thì anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, kể từ khi chị B, anh C ly thân nhau, cháu A sống bên gia đình chị B, cháu vẫn phát triển tốt. Anh C cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc chị B nuôi con không tốt. Đối với cháu T hiện đã trên 07 tuổi, tại bản tự khai cháu T có ý kiến sống với chị B. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu T và cháu A cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung; Chị B, anh C không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, khi nào các đương sự có tranh chấp sẽ khởi kiện và giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí, đề nghị buộc chị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Thị B khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh Danh C nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh C có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Danh C với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh C nhưng anh vắng mặt. Chị B với tư cách là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt chị B, anh C là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị B và anh Danh C tự tìm hiểu quen biết trước được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Chị B cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc, anh C ăn chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình nên chị và anh C đã ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay. Tuy nhiên, anh C có ý kiến trái ngược với chị B, anh C thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn, anh mong muốn được hàn gắn để chăm lo cho con. Xét thấy, anh C có ý kiến còn thương vợ và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để chăm lo cho con nhưng không đưa ra được giải pháp nào để có thể tháo gỡ những mâu thuẫn phát sinh giữa vợ chồng, bản thân anh C cũng không có thiện chí hàn gắn. Bởi lẽ, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo cho anh C và chị B biết có mặt tại Tòa để hòa giải nhưng anh C vắng mặt. Mặc

khác, theo sự xác nhận của anh C là giữa anh và chị B có xảy ra mâu thuẫn và chị B đã sống ly thân với anh từ đầu năm 2024 cho đến nay. Điều này chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị B yêu cầu ly hôn anh C là có căn cứ. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị B được ly hôn với anh C.

[2.2] Về con chung: Chị B, anh C cùng xác định có hai con chung tên Danh Thị Ngọc T, sinh ngày 28/10/2009 và Danh Thị Ngọc A, sinh ngày 13/3/2019; hiện các con đang sống với chị B. Chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản khai, anh C có ý kiến cho rằng chị B muốn ly hôn, thì giao con chung tên Danh Thị Ngọc A, sinh ngày 13/3/2019 cho anh nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại cháu A sống bên gia đình chị B, cháu vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Đối với cháu T, tại bản tự khai, cháu có ý kiến sống với chị B. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, xử giao cháu T và cháu A cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng, xét thấy các con đang sống với chị B vẫn ổn định và phát triển bình thường, anh C cũng không có chứng cứ gì chứng minh rằng việc chị B nuôi hai con không tốt. Bản thân chị B đi làm có thu nhập, đảm bảo việc nuôi dạy con cái nên việc chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng là tự nguyện, đảm bảo đủ điều kiện kinh tế để nuôi con mà không cần có sự cấp dưỡng của anh C nên chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu và anh C cũng xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp thì khởi kiện sau.

[2.5] Về nợ chung: Chị B, anh C xác định không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; án phí ly hôn sơ thẩm buộc chị B phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002744 ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1- điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1-3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị B được ly hôn với anh Danh C.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Thị Ngọc T, sinh ngày 28/10/2009 và Danh Thị Ngọc A sinh ngày 13/3/2019 cho chị Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Danh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu.

Anh Danh C có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc chị Thị B phải nộp nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002744 ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm Hương**